

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02218** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Sinh thái nông nghiệp và PTBV**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0128	Trần Ngọc Tường Duy	02/01/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTBV0129	Phạm Hoài Đức	20/05/2001				0	0				0.0	0.0	0.0
3	21BTBV0130	Nguyễn Phát Học	25/07/2006				7	9.5				9.8		9.3
4	21BTBV0131	Nguyễn Thị Kim Huệ	02/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTBV0132	Trịnh Quốc Hùng	29/08/2006				9	9.8				9.8		9.7
6	21BTBV0133	Nguyễn Chấn Hưng	16/07/2006				6.5	9.5				8.0		8.2
7	21BTBV0134	Võ Hoàng Huy	12/11/1999				9	9.5				9.8		9.6
8	21BTBV0135	Lương Nhĩ Khang	16/07/2006				5	5				9.4		7.6
9	21BTBV0136	Huỳnh Thị Diễm My	31/10/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTBV0137	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/03/2002				7	9				6.2		7.1
11	21BTBV0138	Phạm Thành Ngoan	10/09/2003				7	9.3				9.4		9.1
12	21BTBV0139	Lê Thị Mỹ Nguyên	15/01/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTBV0140	Huỳnh Tốt Nhiều	30/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTBV0141	Đặng Văn Quang	21/11/2006				9.5	5				9.6		8.4
15	21BTBV0142	Trần Gia Thắng	22/12/2006				7	5				9.4		7.9
16	21BTBV0144	Nguyễn Thanh Trọng	22/05/1995				8	8.5				7.4		7.8
17	21BTBV0145	Trần Minh Trọng	18/05/2004				7	9				8.8		8.6
18	21BTBV0146	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	11/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
19	21BTBV0147	Huỳnh Đông Vĩ	28/02/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
20	21BTBV0148	Hồ Thị Như Ý	05/01/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
21	21BTBV0333	Đoàn Thanh Phúc	10/10/2005				6	6.5				8.6		7.7
22	21BTBV0586	Chau Sóc Cươl	10/04/2003				8	9.8				9.4		9.3

Châu Đốc, ngày 12 tháng 7 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Như Hiền